TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 09/08/2024
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2024 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M – sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn N – sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Xóm G, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Đinh Văn Nguyên d được mai mối và sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh N là ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị L ở xóm G, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do trước đó tìm hiểu nhau chưa thật kỹ nên về chung sống cả hai đã luôn bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thương xuyên cãi chửi nhau. Mặt khác vợ chồng kết hôn và chung sống với nhau đã lâu nhưng không có con chung. Anh N và gia đình anh N cho rằng việc không có con nguyên nhân do chị đồng thời yêu cầu chị đi thăm khám. Quá

trình thăm khám chị không có vấn đề gì về sức khỏe. Khi chị yêu cầu anh N đi thăm khám tại Bệnh viện nam học và hiếm muộn Hà Nội thì được bác sỹ kết luận anh N khả năng có con là rất thấp, từ đó tính nết anh N thay đổi thường xuyên gây sự và chửi bới chị vô cớ. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống từ tháng 2 năm 2022 đồng thời anh chị đã sống ly thân nhau từ đó và không quan tâm liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đinh Văn N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh N không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Đinh Văn N hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh N là ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị L tại xóm G, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Đinh Văn N và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh N nhưng anh N không ký nhận văn bản. Bản thân anh N cũng đã biết việc chị M khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh N không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M ly hôn anh Đinh Văn N.
- Án phí: Chị Trần Thị M nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị M có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, với anh Đinh Văn N có nơi cư trú tại: Xóm G, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân

dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Đinh Văn N, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Đinh Văn N có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mặt khác vợ chồng kết hôn và chung sống với nhau thời gian dài nhưng không có con chung. Mặc dù được hai bên gia đình phân tích hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân nhau hai năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh N không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh N không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Anh Đinh Văn N là con của ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị L hiện đang tạm trú tại xóm G, xã L, huyện K. Anh N đang về sinh sống và cư trú cùng ông D bà L tại xã L. Anh N, chị M đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào tháng 12 năm 2019, qua nắm bắt tại cơ sở thì anh N, chị M quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng quan điểm, bên canh đó việc vợ chồng anh chị không có con chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không có biện pháp nào khắc phục. Hiện chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M để làm ăn sinh sống từ hai năm nay và không ở cùng anh N nữa. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh N đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị không có con chung và đã có thời gian sống ly thân nhau hai năm nay mỗi người một nơi, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị M và anh N không có con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Đinh Văn N (Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002158 ngày 21 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND huyện K*
- *Chi cục THA dân sự huyện K*
- *UBND xã K, huyện K,*
- *Đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh